

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/DS-ST
Ngày: 31- 5- 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:13/2023/TLST-DS ngày 09/02/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng CSXH. Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, phường Hng Liệt, quận Hng Mai, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Ngọc Ng, sinh năm 1981 – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện PT. Nơi cư trú: đường Phan Thanh Giản, khóm thị 1, thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967

Nơi cư trú: tổ 05, ấp Phú Thu, xã Phú Xuân, huyện PT, tỉnh An Giang.
Chỗ ở hiện nay: ấp Hưng Thới 1, xã Phú Hưng, huyện PT, An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Văn N, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: ấp Hưng Thới 2, xã Phú Hưng, huyện PT, tỉnh An Giang.

+ Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: tổ 05, ấp Phú Thu, xã Phú Xuân, huyện PT, tỉnh An Giang. Hiện nay, ông N, chị T đang sống tại nhà bà H (ấp Hưng Thới 1, xã Phú Hưng, huyện PT, An Giang).

(Bà Nga có mặt; bà H, ông N có yêu cầu vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn do bà Nguyễn Ngọc Nga đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Vào ngày 10/11/2011, bà Nguyễn Thị H đại diện hộ gia đình vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện PT chương trình cho vay học sinh sinh viên có Hn cảnh khó khăn cho chị Trần Thị Mỹ T (con của bà H) chi phí học tập, tổng số tiền vay 42.000.000 đồng, hạn trả 12/08/2020, được gia hạn nợ đến ngày 12/6/2022 và chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 12/06/2022. Mức lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, quá hạn 0,845%/tháng. Mặc dù đã nhắc nhở nhiều lần nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Nay giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn N và chị Trần Thị Mỹ T phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 52.866.133 đồng gồm vốn gốc 42.000.000 đồng, lãi 10.866.133 đồng tính đến ngày xét xử.

Theo biên bản ghi lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Trần Văn N là vợ chồng, có một con chung là Trần Thị Mỹ T. Bà có đại diện cho gia đình vay tiền của ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện PT cho T có chi phí đi học. Hiện nay còn nợ số tiền như nguyên đơn khởi kiện, ý kiến của ông N và T giống ý kiến của bà, do Hn cảnh khó khăn nên xin được trả mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Yêu cầu được vắng mặt tại các lần Toà án mời và khi xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N trình bày:

Ông N thống nhất trình bày và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội, đồng ý cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ với bà H và T. Do Hn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Yêu cầu được vắng mặt tại các lần Toà án mời và khi xét xử.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ T: Toà án đã triệu tập họp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT phát biểu ý kiến:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với chị T không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã không thực hiện đầy đủ quyền,

nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội, buộc bà H, ông N, chị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 52.866.133 đồng gồm vốn gốc 42.000.000 đồng, lãi 10.866.133 đồng. Bà H, ông N, chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng chính sách xã hội với bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn N, bà Trần Thị Mỹ T có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng không vì mục đích kinh doanh thu lợi nhuận nên xác định đây là tranh chấp dân sự, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bà H là bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Xuân, huyện PT, An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT theo điểm b, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Mặc dù giao dịch dân sự được xác lập vào 10/11/2011 khi Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H, ông N có yêu cầu xét xử vắng mặt; chị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 10/11/2011, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện PT đã chấp thuận cho bà H, ông N và chị T vay số tiền vốn 42.000.000 đồng để chị T có chi phí học tập, việc bà H ký hợp đồng vay vốn được uỷ quyền của ông N và chị T. Bà H, ông N thừa nhận hiện nay còn nợ số tiền như nguyên đơn khởi kiện, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với ý kiến của bà H và ông N xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ, yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý, nên căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn N, bà Trần Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay cho ngân hàng CSXH số tiền 52.866.133 đồng gồm vốn gốc 42.000.000 đồng, lãi 10.866.133 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng CSXH không phải chịu án phí. Bà H, ông N, chị T phải cùng chịu án phí có giá ngạch (52.866.133 đồng x 5% = 2.644.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 288, Điều 463, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXH đối với bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn N và bà Trần Thị Mỹ T về hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn N và bà Trần Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng CSXH số tiền vay 52.866.133 (Năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi sáu ngàn một trăm ba mươi ba) đồng (gồm vốn gốc 42.000.000 đồng và lãi 10.866.133 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng CSXH không phải chịu án phí và thuộc đối tượng miễn nộp tạm ứng án phí.

Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn N và bà Trần Thị Mỹ T phải cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.644.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nga có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Bà H, ông N, bà T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.